

Số: 7/QĐ-THCSDX

Gia lâm, ngày 02 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2021
của Trường THCS Dương Xá**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS DƯƠNG XÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 10888/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND Huyện Gia lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế- xã hội và dự toán chi NSNN năm 2021;

*Căn cứ vào Quy định công khai tài chính của trường THCS Dương Xá;
Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường THCS Dương Xá.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Dương Xá.

(theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Dương Xá thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;

- Lưu: VT.



Phùng Thị Minh Liễu

Gia lâm, ngày 02 Tháng 01 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ
Trường TH Phú Thị công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 như

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I.1	Số thu phí, lệ phí năm trước chuyển sang	27.540.016			
1	Học phí	7.612.599			
2	Học 2 buổi/ngày	317.856			
3	Học thêm	1.509.561			
4	Chăm sóc bán trú	0			
5	Trang thiết bị bán trú	18.100.000			
I.2	Số thu phí, lệ phí	2.587.100.000	1.122.423.700	43,39	56,4
1	Học phí	675.000.000	488.037.700	72,30	72,5
2	Học 2 buổi/ngày	703.350.000	226.200.000	32,16	65,3
3	Học thêm	1.071.000.000	367.536.000	34,32	58,6
4	Chăm sóc bán trú	128.250.000	40.650.000	31,70	62,6
5	Trang thiết bị bán trú	9.500.000	0	0,00	0,0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.614.322.160	1.149.963.716	43,99	65,6
1	Học phí	682.612.599	495.650.299	72,61	75,5
2	Học 2 buổi/ngày	703.350.000	226.517.856	32,21	67,0
3	Học thêm	1.072.509.561	369.045.561	34,41	59,0
4	Chăm sóc bán trú	128.250.000	40.650.000	31,70	68,5
5	Trang thiết bị bán trú	27.600.000	18.100.000	65,58	0,0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.936.420.000	7.838.255.000	98,76	99,50
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.936.420.000	7.838.255.000	98,76	99,50
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.936.420.000	7.838.255.000	98,76	99
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.235.000.000	7.136.835.000	98,64	98,56
3.2	KP không thường xuyên <CCTL.02.14>	585.305.000	585.305.000	100,00	0
	KP không thường xuyên <CCTL.02.15>	116.115.000	116.115.000	100,00	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Thủ trưởng đơn vị



Phùng Thị Minh Liễu